

**PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN**

Số Công văn đến: ..... 138 ..... Ngày nhận: 24/01 /2022

Số văn bản: ..... 209 ..... Ngày: 20/01 /2022

Đơn vị phát hành: ..... Bộ Công An ..... PM

**Nội dung xử lý văn bản:**

- Kính Ban Pháp chế, duy trì, phản biện việc thi học

DN NYC gặp ý:

✓ 24/01/2022

**PHÊ DUYỆT**

XDRL  
25/1



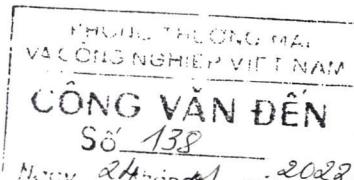
**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 209 /BCA-A05

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Hồ sơ  
Nghị định quy định điều kiện kinh doanh  
sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng



Kính gửi: .....Phòng...Thương mại và Công nghiệp...tỉnh...Nam CVCC I

HỎA TỐC →  
Căn cứ nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự (viết tắt là Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật) được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 1, Khóa 15, ngày 11/01/2022. Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Công an xây dựng Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo thủ tục rút gọn, trình Chính phủ phê duyệt trong tháng 02/2022, Bộ Công an đã xây dựng Hồ sơ Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng theo trình tự, thủ tục rút gọn, gồm: (1) Tờ trình Nghị định và (2) Dự thảo Nghị định (*kèm theo*).

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để hoàn thiện Hồ sơ Nghị định trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định, Bộ Công an đề nghị các đồng chí tổ chức nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với nội dung Hồ sơ Nghị định nêu trên. Do thời gian gấp, văn bản góp ý xin gửi về Bộ Công an **trước ngày 26 tháng 01 năm 2022** (qua Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, 207 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội; đầu mối liên hệ: đồng chí Thượng tá Nguyễn Đình Đỗ Thi, SĐT: 069.2327817; 0966.210.168) và gửi 01 bản điện tử tới địa chỉ Email: luat.anm@cybersecurity.vn

Rất mong sự quan tâm, phối hợp của các đồng chí./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, A05(P1).PTM.28b





Số: /TT-Tr-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định quy định  
về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số /QĐ-TTg ngày /01/2022 của Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì xây dựng Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Công an xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở chính trị**

Trong bối cảnh nền công nghiệp 4.0, Đảng, Nhà nước ta đã rất quan tâm đến lĩnh vực an ninh mạng, coi đây là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng của an ninh quốc gia và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về tăng cường quản lý, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã được thể hiện nhất quán, có hệ thống và phù hợp với từng thời kỳ theo điều kiện và yêu cầu bảo đảm an ninh mạng, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia. Trong đó, chỉ đạo “*Hình thành, phát triển công nghiệp an ninh mạng của Việt Nam, có nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng tự sản xuất các trang thiết bị, giải pháp bảo vệ an ninh mạng, không bị lệ thuộc vào sản phẩm nước ngoài. Khuyến khích xây dựng hệ sinh thái ứng dụng Internet Việt Nam thay thế cho các sản phẩm của nước ngoài*”; “*phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, độc lập, tự chủ, tự cường xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh mạng*”; “*Xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh mạng tự chủ, sáng tạo. Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và huy động các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp về công nghệ an ninh mạng, các doanh nghiệp công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet trong nước làm chủ thị trường; hình thành các doanh nghiệp có năng lực tự sản xuất, cung cấp dịch vụ, các trang thiết bị, giải pháp gắn với bảo vệ an ninh mạng, tăng tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm công nghệ thông tin*”. Đây là chỉ đạo quan trọng, vừa thúc đẩy, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nhằm hướng tới tự chủ, tự cường, tránh lệ thuộc nhưng cũng đặt ra yêu cầu quản lý đối với các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đang lưu hành, nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ an ninh mạng bền vững.

- Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 18/10/2019 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia, giao “*Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan huy động sự tham gia của khu vực tư nhân vào công tác bảo vệ an ninh mạng, nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ, thiết bị, sản phẩm an ninh mạng, khuyến khích khu vực tư nhân áp dụng các biện pháp bảo vệ an ninh mạng*”. Đây là các hoạt động quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Quyết định số 749/QĐ-TTG ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nêu rất rõ quan điểm tại điểm 5, Mục III như sau: “*bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi vì thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế*”. Điều này cho thấy, sự cần thiết áp dụng, chứng nhận các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 18/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ an ninh mạng trong tình hình hiện nay đưa ra yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ưu tiên sử dụng sản phẩm, thiết bị mạng được đánh giá, chứng nhận đảm bảo an ninh mạng do các doanh nghiệp trong nước sản xuất; ban hành quy trình kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng đối với các thiết bị kỹ thuật, phương tiện điện tử, phần mềm sử dụng trong các cơ quan nhà nước trước khi đưa vào sử dụng.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: “*Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương...*”.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

**2.1.** Hiện nay, thách thức an ninh mạng đã trở thành vấn đề toàn cầu, đe dọa trực tiếp đến chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia của các nước, thậm chí sự tồn vong của chế độ. Thực tiễn, không gian mạng và các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã được triệt để sử dụng như các “vũ khí mạng” nhằm tác động, chuyển hóa chính trị, thay đổi hoặc lật đổ chế độ chính trị tại nhiều nước, trong đó các quốc gia như: Ai Cập và Trung Đông, Bắc Phi đã phải trả giá bằng “những bài học xương máu” khi chính quyền bị sụp đổ do các thế lực thù địch,

lực lượng đối lập sử dụng không gian mạng để kích động bạo loạn, lật đổ. Vì vậy, những năm qua, các nước trên thế giới đều có sự điều chỉnh chiến lược, tăng cường đầu tư, thay đổi chính sách về an ninh mạng, ban hành hàng trăm đạo luật, chiến lược, quy định và không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý về an ninh mạng.

Ở nước ta đã có Luật An ninh mạng quy định biện pháp quan trọng bảo vệ an ninh mạng. Tuy nhiên, trong thời gian qua, qua công tác kiểm tra trực tiếp tại hơn 26 cơ quan các Bộ, Ban, ngành, địa phương, Bộ Công an đã phát hiện nhiều hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia của Quốc hội, các Bộ, ngành tồn tại những lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng, bị lây nhiễm hàng chục biến thể virus, mã độc và các phần mềm gián điệp nguy hiểm<sup>(1)</sup>, dẫn tới bị lộ, lọt tài liệu bí mật (*chỉ trong 3 năm qua, Bộ Công an phát hiện gần 150 trường hợp lộ, lọt bí mật, với hàng ngàn tài liệu nội bộ, trong đó có nhiều tài liệu thuộc danh mục Mật, Tối mật và Tuyệt mật*).

Nguyên nhân chính xảy ra tình trạng nêu trên là do chưa có hành lang pháp lý quản lý các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Thực tế ở Việt Nam hiện có nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nhưng không có sự quản lý, dẫn tới tình trạng các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bán tràn lan trên thị trường, thiếu định hướng và thiếu kiểm soát. Có những cơ quan Bộ, ngành sử dụng sản phẩm, dịch vụ của những doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng không đủ năng lực cung cấp dẫn tới không đủ điều kiện về an ninh mạng, dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng; đã có hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bị tấn công, mà các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã triển khai không thể phát hiện được.

Trong khi đó, sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng gồm các thiết bị phần cứng và phần mềm được tạo ra với mục đích bảo vệ hoạt động của con người, mạng, dữ liệu trên không gian mạng trước các tác nhân gây hại. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định hiệu quả của công tác bảo vệ an ninh mạng. Hơn nữa, càng là các mục tiêu trọng yếu, yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng càng khắt khe và nghiêm ngặt, bao gồm: các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và điều kiện con người, với mục tiêu phòng hơn chống. Để các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bảo đảm chất lượng, cập nhật đủ tính năng, hiệu năng, quyết định hiệu quả của công tác bảo vệ an ninh mạng, trước khi đưa vào sử dụng tại các mục tiêu trọng yếu, nhất là trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thì bên cạnh các điều kiện về chất lượng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện về trình độ, khả năng, con người.

---

<sup>(1)</sup> Phát hiện 42 máy vi tính của các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội bị kiểm soát, chiếm quyền điều khiển và thu thập toàn bộ thông tin lưu trữ; 09GB dữ liệu tại Bộ Thông tin và Truyền thông, hệ thống thư điện tử bị kiểm soát; 02 máy chủ của hệ thống phòng, chống mã độc tập trung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bị tấn công, chiếm quyền điều khiển...

Trước yêu cầu của thực tiễn nêu trên và để thể chế hóa quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ an ninh mạng, Chính phủ đã thống nhất: Cùng với các biện pháp đã được quy định tại Luật An ninh mạng, cấp thiết phải có quy định về điều kiện kinh doanh đối với sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (*Chính phủ đã ban hành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2020 ngày 12/01/2020 và Quyết định số /QĐ-TTg ngày /01/2022 giao Bộ Công an xây dựng và trình Chính phủ “Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng”*) để:

*Một là*, đáp ứng yêu cầu về quản lý sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh mạng, hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh mạng.

*Hai là*, góp phần thura nhận, công nhận về mặt pháp lý đối với sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, hiện đã và đang được kinh doanh trên thị trường, là một ngành nghề để quản lý. Nhiều quốc gia đã hình thành nền công nghiệp an ninh mạng và thị trường an ninh mạng, quản lý và thúc đẩy kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Quy mô của ngành công nghiệp an ninh mạng toàn cầu năm 2019 đạt 124,401 tỷ USD và năm 2020 là 127,827 tỷ USD. Thị trường an ninh mạng của nước ta đã được hình thành, nhiều doanh nghiệp an ninh mạng đã được thành lập, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, bán sản phẩm cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam đã mua các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng từ các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

*Ba là*, góp phần quản lý, kiểm soát các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của nước ngoài đưa vào Việt Nam và đáp ứng yêu cầu, xu thế phát triển công nghệ của thế giới. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là hoạt động kinh doanh liên quan đến các lợi ích về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, yêu cầu phòng ngừa cao hơn so với các hoạt động kinh doanh khác. Mặc dù đã hình thành thị trường an ninh mạng trong nước, có nhiều doanh nghiệp tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nhưng chưa được quản lý hiệu quả. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã bán các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp trong nước mà chưa có chính sách quản lý phù hợp. Rất nhiều sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quan trọng của cơ quan nhà nước phải mua từ các doanh nghiệp của nước ngoài. Điều này đặt ra yêu cầu cần bảo đảm điều kiện đầu vào trước khi tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm phòng ngừa các hậu quả có thể xảy ra.

Việc chưa có văn bản quy phạm pháp luật xác định sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là một ngành nghề kinh doanh dẫn tới thực trạng: (i) không quản lý được hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; (ii) chưa huy động, khuyến khích các doanh nghiệp an ninh mạng tham gia phát triển thị

trường an ninh mạng trong nước, tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài; (iii) chưa thừa nhận các loại hình kinh doanh về an ninh mạng, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp tham gia thị trường thế giới hoặc kinh doanh với các doanh nghiệp an ninh mạng nước ngoài; (iv) chưa hạn chế được tác động, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; (v) chưa quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của các doanh nghiệp nước ngoài tại thị trường Việt Nam.

## **2.2. Một số quốc gia trên thế giới đã quy định về điều kiện kinh doanh ngành, nghề sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, Bộ Công an nhận thấy, đã có nhiều nước xây dựng, áp dụng các điều kiện đối với chủ thể kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và đưa vào trong các văn bản pháp luật, điển hình là 04 quốc gia Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Singapore.

- Mỹ đã có hệ thống quy định pháp luật về an ninh mạng, không chỉ có riêng Luật An ninh mạng (luật chung) như ở nước ta, mà bao gồm nhiều đạo luật riêng lẻ về các lĩnh vực của an ninh mạng. Đối với các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, pháp luật Mỹ quy định:

+ Một doanh nghiệp an ninh mạng muốn kinh doanh về an ninh mạng (bao gồm các dịch vụ an ninh mạng) thì đều phải đáp ứng một điều kiện chung là đội ngũ chuyên gia kỹ thuật phải có một trong các chứng chỉ an ninh mạng phổ biến tại Mỹ, như sau: Giấy Chứng nhận cho các chuyên gia an ninh mạng, những người kiểm tra mạng hoặc hệ thống và tìm kiếm các điểm yếu về bảo mật; Giấy Chứng nhận GIAC Security Essentials (GSEC) do Tổ chức Chứng nhận Đảm bảo Thông tin Toàn cầu (GIAC) cung cấp và xác nhận kiến thức bảo mật thông tin của các chuyên gia CNTT; Giấy chứng nhận chuyên gia Bảo mật Hệ thống Thông tin của CISSP... Để hành nghề kinh doanh liên quan đến an ninh mạng (trong đó có dịch vụ an ninh mạng), các công ty an ninh mạng phải xin giấy phép kinh doanh với bang và địa phương (không phải liên bang).

+ Mỹ có 50 bang và quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp an ninh mạng cũng khác nhau.

+ Do tính chất quan trọng và có giá trị lớn, rủi ro cao, nhiều bang tại Mỹ còn yêu cầu các công ty an ninh mạng phải mua bảo hiểm khi hoạt động kinh doanh.

- Pháp: các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đòi hỏi phải đáp ứng điều kiện về trình độ rất cao của chủ thể sản xuất cũng như phải đáp ứng về các yêu cầu của ANSSI (cơ quan an ninh hệ thống thông tin quốc gia do Pháp thành lập vào tháng 7/2009) để cấp Giấy chứng nhận cho các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Trung Quốc: Luật An ninh mạng quy định:

+ Thiết bị mạng quan trọng, sản phẩm chuyên dụng về an ninh mạng phải tuân theo yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn quốc gia liên quan và chỉ được bán,

cung cấp sau khi đáp ứng tiêu chuẩn chứng nhận an ninh hoặc kiểm định an ninh của cơ quan có tư cách, thẩm quyền.

+ Văn phòng Thông tin mạng quốc gia sẽ phối hợp các cơ quan, ban ngành liên quan của Quốc vụ viện lập, công bố danh mục thiết bị mạng quan trọng, sản phẩm an ninh mạng chuyên dụng, đồng thời thúc đẩy việc cấp chứng nhận an ninh, công nhận lẫn nhau kết quả kiểm nghiệm an ninh, tránh trùng lặp chứng nhận, kiểm nghiệm.

+ Sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phải phù hợp với yêu cầu bắt buộc theo tiêu chuẩn quốc gia liên quan.

+ Chủ thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng không được cài đặt chương trình độc hại; khi phát hiện sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của mình tồn tại lỗi, lỗ hổng bảo mật phải lập tức áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, căn cứ theo quy định kịp thời thông báo đến người dùng và báo cáo cơ quan chủ quản liên quan.

+ Nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phải liên tục bảo trì sản phẩm, dịch vụ của mình; trong thời gian quy định hoặc trong thời gian thỏa thuận không được chấm dứt duy trì bảo hành sản phẩm.

+ Sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có chức năng thu thập thông tin người dùng phải thể hiện, thông báo rõ để người dùng biết và phải được sự đồng ý của người dùng; liên quan thông tin cá nhân người dùng, phải tuân thủ các quy định trong Luật này, các luật liên quan, quy định, luật hành chính để bảo vệ thông tin cá nhân.

- **Singapore:** Luật An ninh mạng đề cập tới việc yêu cầu hoặc cho phép thực hiện các biện pháp để ngăn chặn, quản lý và ứng phó với các mối đe dọa và sự cố an ninh mạng, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến các hạ tầng thông tin quan trọng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ an ninh mạng và các vấn đề liên quan đến nó. Đạo luật cũng đã đưa ra được khái niệm cụ thể về “dịch vụ an ninh mạng”, “các nhà cung cấp dịch vụ an ninh mạng”, “cấp giấy phép dịch vụ an ninh mạng” cũng như đưa ra được các điều kiện để được cấp giấy phép, hồ sơ cấp giấy phép và giá trị pháp lý của giấy phép.

Như vậy, việc ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phù hợp với tình hình trong nước và yêu cầu về hành lang pháp lý để phát triển ngành, nghề kinh doanh này.

### **3. Về căn cứ pháp lý**

**3.1. Luật An ninh mạng (số 24/2018/QH14)** và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Sự ra đời của Luật An ninh mạng đã đánh dấu một bước tiến mới, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ, quản lý không gian mạng, phòng, chống, đấu tranh, xử lý các hoạt động vi phạm pháp luật về an ninh mạng. Sau hơn 01 năm ban hành, có hiệu lực, Luật An ninh mạng đã đi vào cuộc sống, là

đạo luật thiết thực, hiệu quả, tạo dựng được niềm tin trong Nhân dân. Là văn bản luật đầu tiên về an ninh mạng được ban hành, Luật An ninh mạng đã đề cập tới các thuật ngữ “sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng” và các cụm từ mang ý nghĩa tương tự, các thuật ngữ có chức năng bảo vệ hoạt động của con người, các thiết bị phần cứng, phần mềm, mạng và dữ liệu trên không gian mạng khỏi các tác nhân gây hại<sup>2</sup>.

**3.2.** Ngày 11/01/2022, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 1 Khóa 15, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật, trong đó có Luật Đầu tư (số /2022/QH15). Luật này có hiệu lực từ ngày 01/03/2022. Trong đó, tại Khoản 5, Điều 3 dự án Luật có bổ sung ngành, nghề số thứ tự 132a. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Do đó, Chính phủ cần quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng để bảo đảm tính pháp lý, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện và phù hợp nội dung Khoản 3, Điều 7, Luật Đầu tư năm 2020.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, trước yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, yêu cầu thực tiễn bảo vệ an ninh mạng và tình hình thiếu hành lang pháp lý quản lý đối với ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; cần nghiên cứu bổ sung các chính sách về ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật để giải quyết các vấn đề cấp bách về an ninh mạng; điều chỉnh những nội dung bất cập, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu bảo vệ các mục tiêu trọng yếu quốc gia về an ninh mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng và hệ thống pháp luật khác; tạo cơ sở pháp lý để quản lý ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, thừa nhận về mặt pháp luật cho hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; khuyến khích đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh mạng tiềm tàng.

<sup>2</sup> - Khoản 4 Điều 3 Luật An ninh mạng quy định: Khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; phối hợp với cơ quan chức năng trong bảo vệ an ninh mạng.

- Khoản 3 Điều 17 Luật An ninh mạng quy định về thiết bị, sản phẩm, dịch vụ thông tin liên lạc, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử trước khi đưa vào sử dụng trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; nghiên cứu, sản xuất sản phẩm lưu trữ, truyền đưa thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước; sản phẩm mã hóa thông tin trên không gian mạng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đây là các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng với tên gọi, tính năng phù hợp với từng lĩnh vực của xã hội.

- Luật An ninh mạng đã dành hẳn Điều 28 để quy định về nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng, mà yếu tố cốt lõi, căn bản để thực hiện được mục đích này là nghiên cứu, làm thủ, phát triển được các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Theo đó, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng và nâng cao khả năng sản xuất, kiểm tra, đánh giá, kiểm định thiết bị số, dịch vụ mạng, ứng dụng mạng; Chính phủ thúc đẩy chuyển giao, nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng để bảo vệ an ninh mạng; tăng cường môi trường kinh doanh, cải thiện điều kiện cạnh tranh hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng để bảo vệ an ninh mạng.

## 2. Quan điểm xây dựng

*Thứ nhất*, xây dựng văn bản theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; phù hợp với Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia.

*Thứ hai*, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất các quy định pháp luật về kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, hình thành ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh mạng.

*Thứ ba*, khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, hình thành công nghiệp an ninh mạng, thị trường an ninh mạng và các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có khả năng tự chủ, tiến tới xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

*Thứ tư*, quản lý sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bảo vệ an ninh mạng.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nghị định quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Thực hiện quy định của Điều 148, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Tổng kết thực tiễn, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan, xây dựng dự thảo và thực hiện đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định (Báo cáo số ..../BC-BCA-A05 ngày .../.../2022); đánh giá thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định.

3. Lấy ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định: gửi lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ, ngành, địa phương, tổ chức liên quan (Công văn số ..../BCA-A05 ngày .../01/2022) và tổ chức các cuộc họp giữa các bên liên quan để góp ý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

4. Hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định theo quy định.

5. Trên cơ sở thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét, thông qua.

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

### 1. Bố cục

Thực hiện xây dựng bố cục của dự thảo Nghị định theo đúng Mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày

14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, với 15 Điều, cụ thể như sau:

- **Chương I:** Những quy định chung, từ Điều 1 đến Điều 3 quy định về Phạm vi điều chỉnh; Sản phẩm an ninh mạng; Dịch vụ an ninh mạng.
- **Chương II:** Quy định về điều kiện kinh doanh, sản xuất sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, Điều 4.

- **Chương III:** Quy định về thẩm quyền và hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, từ Điều 5 đến Điều 12, gồm: Cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; giải trình, nộp hồ sơ bổ sung trong quá trình thẩm định; sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ, thu hồi và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; chế độ báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

**4. Chương IV:** Điều khoản thi hành, từ Điều 13 đến Điều 15, gồm: Hiệu lực thi hành; Điều khoản chuyển tiếp; Trách nhiệm thi hành.

## 2. Nội dung cơ bản của Dự thảo nghị định

- **Chương I:** Những quy định chung, từ Điều 1 đến Điều 3 quy định về Phạm vi điều chỉnh; Sản phẩm an ninh mạng; Dịch vụ an ninh mạng.

Trong đó, quy định rõ danh mục các sản phẩm an ninh mạng và dịch vụ an ninh mạng; Bộ Công an đã rà soát, đối chiếu và phân định rõ ràng với các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và các sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, cụ thể như sau:

a) Sản phẩm an ninh mạng gồm: (1) Sản phẩm bí mật thu thập thông tin, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm có chức năng bí mật thu thập thông tin trên không gian mạng. (2) Sản phẩm kiểm soát an ninh lưu lượng mạng, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng, được thiết kế với tính năng đặc thù để cảnh báo, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng và bảo vệ các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. (3) Sản phẩm chế áp thông tin mạng, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng để ngăn chặn, ngắt, phá sóng thiết bị di động, Internet không dây tại các khu vực, mục tiêu cần bảo vệ. (4) Sản phẩm pháp y số, điều tra số, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng khôi phục, truy nguồn, thu thập dữ liệu số, chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử phục vụ điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. (5) Sản phẩm

tấn công mạng chuyên dụng, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng để vô hiệu hóa, thay đổi thông tin, dữ liệu các mục tiêu trên không gian mạng. (6) Sản phẩm phát hiện phần mềm gián điệp, vũ khí mạng, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm được dùng để rà quét, phát hiện các virus, mã độc có chức năng bí mật thu thập, đánh cắp thông tin, dữ liệu trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. (7) Sản phẩm phát hiện nguy cơ gây sự cố an ninh mạng, lộ, mất bí mật Nhà nước trên không gian mạng, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm dùng để rà soát, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạng hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia nhằm phát hiện lỗ hổng, điểm yếu, cửa hậu dùng để xâm nhập, đánh cắp thông tin, bí mật Nhà nước. (8) Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, gồm các thiết bị phần cứng, phần mềm dùng để phòng ngừa, cảnh báo, ngăn chặn hoạt động tấn công mạng hoặc xâm nhập vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

b) Dịch vụ an ninh mạng gồm: (1) Dịch vụ kiểm tra an ninh mạng đối với thiết bị, phần mềm sử dụng trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; (2) Dịch vụ giám sát an ninh mạng để giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm các hoạt động tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, các sự cố an ninh mạng, các dấu hiệu bất thường về an ninh mạng tại các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; (3) Dịch vụ tư vấn an ninh mạng; (4) Dịch vụ đánh giá bảo đảm tiêu chuẩn an ninh mạng; (5) Dịch vụ kiểm thử an ninh mạng; (6) Dịch vụ bảo trì sản phẩm an ninh mạng. (7) Dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng, tình huống nguy hiểm về an ninh mạng.

- **Chương II:** Quy định về điều kiện kinh doanh, sản xuất sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, Điều 4.

a) Điều kiện về an ninh trật tự: theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đáp ứng điều kiện về an ninh mạng như: điều kiện về quy định, quy trình, phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; điều kiện về nhân sự vận hành, quản trị hệ thống, bảo vệ an ninh mạng; điều kiện bảo đảm an ninh mạng đối với thiết bị, phần cứng, phần mềm là thành phần hệ thống; điều kiện về biện pháp kỹ thuật để giám sát, bảo vệ an ninh mạng; điều kiện về an ninh vật lý là tiền đề để xây dựng nội dung trong dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Đây là điều kiện áp dụng với sản phẩm, dịch vụ đưa vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, chủ quản hệ thống có thể áp đặt điều kiện trong hợp đồng dẫn tới yêu

cầu các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ này cần phải được quản lý để bảo đảm điều kiện về an ninh mạng.

- **Chương III.** Quy định về thẩm quyền và thủ tục cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, từ Điều 5 đến Điều 12.

Một số nội dung trọng tâm gồm:

“Ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng” là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nên Bộ Công an cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Theo đó, Bộ Công an sẽ tiến hành kiểm tra sự phù hợp với hồ sơ và bảo đảm quy định của Nghị định quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu và báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 28 tháng 12) về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đến Bộ Công an.

- **Chương IV:** Điều khoản thi hành.

Theo đó, Nghị định này có hiệu lực thi hành từ **ngày tháng năm 2022**. Doanh nghiệp đang kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định này cần hoàn tất hồ sơ, thủ tục để được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng tối đa 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Đối với các hợp đồng kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã được ký kết và có giá trị trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thực hiện các nội dung trong hợp đồng. Việc xác định lộ trình thực hiện đối với các đối tượng cụ thể nhằm bảo đảm khả năng thực thi có hiệu quả quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

## **V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Khi Nghị định quy định về kinh doanh sản xuất sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được thông qua vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có để thi hành pháp luật về an ninh mạng, không phát sinh thêm nhân sự tại các cơ quan, Bộ ngành khác. Hiện nay, Chính phủ đang và sẽ tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực để thi hành pháp luật về an ninh mạng nên cơ bản đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện Nghị định sau khi được ban hành.

## **VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định quy định kinh doanh sản phẩm,

dịch vụ an ninh mạng; (2) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; (3) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (4) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; (5) Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, A05(P1).PTM.06b

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Thượng tướng Lương Tam Quang**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dự thảo 1**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày...tháng...năm;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng,

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

**Điều 2. Sản phẩm an ninh mạng**

1. Sản phẩm bí mật thu thập thông tin, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm có chức năng bí mật thu thập thông tin trên không gian mạng, trong các phương tiện, thiết bị điện tử.

2. Sản phẩm kiểm soát an ninh lưu lượng mạng, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng, được thiết kế với tính năng đặc thù để cảnh báo, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng và bảo vệ các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản phẩm ché áp thông tin mạng, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng để ngăn chặn, chèn, gây nhiễu, phá sóng thiết bị di động, Internet không dây tại các khu vực, mục tiêu cần bảo vệ.

4. Sản phẩm pháp y số, điều tra số, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng khôi phục, truy nguồn, thu thập dữ liệu điện tử, chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử phục vụ điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Sản phẩm tấn công mạng chuyên dụng, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm chuyên dụng để vô hiệu, phá hoại, gây gián đoạn hoặc thay đổi hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

6. Sản phẩm phát hiện phần mềm gián điệp, vũ khí mạng, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm được dùng để rà quét, phát hiện các virus, mã độc có chức năng bí mật thu thập, đánh cắp thông tin, dữ liệu trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

7. Sản phẩm phát hiện nguy cơ gây sự cố an ninh mạng, lộ, mất bí mật Nhà nước trên không gian mạng, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm dùng để rà soát, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạng hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia nhằm phát hiện lỗ hổng, điểm yếu, cửa hậu dùng để xâm nhập, đánh cắp thông tin, bí mật Nhà nước.

8. Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, gồm: các thiết bị phần cứng, phần mềm dùng để phòng ngừa, cảnh báo, ngăn chặn hoạt động tấn công mạng hoặc xâm nhập vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

### **Điều 3. Dịch vụ an ninh mạng**

1. Dịch vụ kiểm tra an ninh mạng đối với thiết bị, phần mềm sử dụng trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

2. Dịch vụ giám sát an ninh mạng để giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm các hoạt động tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, các sự cố an ninh mạng, các dấu hiệu bất thường về an ninh mạng tại các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Dịch vụ tư vấn an ninh mạng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để phòng chống xâm phạm an ninh mạng, bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu, gồm:

- a) Thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin an ninh mạng;
- b) Kiểm tra, giám sát, phát triển hệ thống thông tin an ninh mạng;
- c) Xây dựng quy trình bảo đảm an ninh mạng;
- d) Cập nhật các giải pháp công nghệ an ninh mạng.

4. Dịch vụ đánh giá bảo đảm tiêu chuẩn an ninh mạng;

5. Dịch vụ kiểm thử an ninh mạng, gồm dịch vụ kiểm tra lỗ hổng, điểm yếu về an ninh mạng; phát hiện phần mềm gián điệp, mã độc trong hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

6. Dịch vụ bảo trì sản phẩm an ninh mạng.
7. Dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng, tình huống nguy hiểm về an ninh mạng.

## Chương II

### **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN NINH MẠNG**

#### **Điều 4. Điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
2. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Có phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phù hợp với chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh mạng; gồm, các nội dung sau: phạm vi, đối tượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; loại hình sản phẩm, dịch vụ dự kiến sản xuất; sự đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ; các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, dịch vụ.
4. Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ phù hợp với mô tả về phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.
5. Có nhân sự chịu trách nhiệm về bảo mật thông tin, quản trị, hiểu biết chuyên sâu về đảm bảo an ninh mạng hệ thống, có bằng đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin hoặc điện tử viễn thông.
6. Có phương án kỹ thuật phù hợp và bao gồm các nội dung: mô tả tổng thể hệ thống kỹ thuật; tính năng hệ thống; việc đáp ứng với các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng tương ứng, phương án bảo mật thông tin trong quá trình sử dụng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

## Chương III

### **THẨM QUYỀN VÀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN NINH MẠNG**

#### **Điều 5. Cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Bộ Công an cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.
2. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được cấp cho doanh nghiệp có thời hạn 05 năm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

#### **Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tại Bộ Công an.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

b) Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật.

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương.

d) Bản thuyết minh hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Bản mô tả phương án kinh doanh gồm phạm vi, đối tượng cung cấp dịch vụ, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ.

e) Tài liệu chứng minh phương án bảo mật thông tin.

f) Bản sao văn bằng nhân sự quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

#### **Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đến Bộ Công an bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

b) Nộp bằng cách sử dụng dịch vụ bưu chính.

c) Nộp hồ sơ thông qua cổng dịch vụ công Bộ Công an.

2. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản hoặc qua thư điện tử về việc đã nhận hồ sơ của doanh nghiệp trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.

3. Đối với hình thức nộp trực tiếp, ngày nhận hồ sơ là ngày đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ do doanh nghiệp nộp.

4. Đối với hình thức nộp bằng cách sử dụng dịch vụ bưu chính, ngày nhận hồ sơ là ngày đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính chuyển đến.

5. Đối với hình thức nộp thông qua cổng dịch vụ công Bộ Công an, ngày nhận hồ sơ là ngày đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ do doanh nghiệp nộp trên cổng dịch vụ công.

#### **Điều 8. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan thẩm định và cấp Giấy phép kinh

doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có nội dung chính sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp, tên giao dịch của cơ sở kinh doanh bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có); địa chỉ trụ sở chính tại Việt Nam.
- b) Tên của người đại diện theo pháp luật.
- c) Số giấy phép, ngày cấp giấy phép, ngày hết hạn giấy phép.
- d) Sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được phép kinh doanh.

#### **Điều 9. Giải trình, nộp hồ sơ bổ sung trong quá trình thẩm định**

1. Trong thời hạn thẩm định hồ sơ, Bộ Công an có quyền gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ, giải trình bằng văn bản hoặc giải trình trực tiếp nếu hồ sơ đề nghị cấp phép tương ứng không cung cấp đủ thông tin, không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định nhưng không quá 01 lần.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình bằng văn bản hoặc giải trình trực tiếp cho Bộ Công an theo nội dung yêu cầu và trong thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nhận được thông báo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời hạn thẩm định được tính tiếp kể từ thời điểm đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản giải trình của doanh nghiệp hoặc ngày ký biên bản cuộc họp giải trình.

3. Nếu kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung, giải trình quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không nộp hồ sơ bổ sung hoặc không giải trình và không có văn bản đề nghị được lùi thời hạn nộp bổ sung thì xem như doanh nghiệp từ bỏ việc nộp hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ nộp sau khi hết hạn nộp bổ sung, giải trình hoặc sau ngày doanh nghiệp đề nghị được lùi thời hạn được xét như tiếp nhận hồ sơ nộp mới.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ ban đầu và hồ sơ bổ sung, ý kiến giải trình và cấp Giấy phép hoặc ra thông báo không cấp Giấy phép:

- a) Không vượt quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- b) Không vượt quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép.
- c) Không vượt quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép.

#### **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ, thu hồi và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng mà mình cung cấp.

Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép tại Bộ Công an. Hồ sơ được lập thành hai bộ, gồm đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép, báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và các tài liệu khác có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Công an thẩm định, sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tới Bộ Công an, trong đơn nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy phép cho cơ sở kinh doanh.

3. Cơ sở kinh doanh không vi phạm quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng được gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng một lần với thời gian gia hạn không quá 05 năm. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép phải được gửi tới Bộ Công an chậm nhất là 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hạn. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép được lập thành hai bộ, gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép.
- b) Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đang có hiệu lực.
- c) Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Công an thẩm định, quyết định gia hạn và cấp lại Giấy phép cho cơ sở kinh doanh; trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cơ sở kinh doanh bị tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tới khi khắc phục, bổ sung đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ không đúng với nội dung ghi trên Giấy phép.
- b) Không đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại Điều 4 của Nghị định này.
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở kinh doanh bị thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai cung cấp dịch vụ trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép mà không có lý do chính đáng.

b) Giấy phép đã hết hạn.

c) Hết thời hạn tạm đình chỉ mà cơ sở kinh doanh không khắc phục được các lý do quy định tại khoản 4 Điều này.

#### **Điều 11. Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đề nghị cấp Giấy kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phải làm bằng tiếng Việt, gồm 01 bộ hồ sơ gốc và 04 bộ bản sao hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép, 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ bản sao hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép. Bộ hồ sơ gốc phải có đủ chữ ký, dấu xác nhận của doanh nghiệp, các tài liệu do doanh nghiệp lập nếu có từ 02 tờ văn bản trở lên phải có dấu giáp lai. Các bộ bản sao hồ sơ hợp lệ không yêu cầu phải có dấu xác nhận, dấu chứng thực bản sao nhưng phải có dấu giáp lai của doanh nghiệp nộp hồ sơ.

Đối với hồ sơ nộp qua công dịch vụ công Bộ Công an, doanh nghiệp xin giấy phép scan toàn bộ tài liệu hồ sơ dưới dạng pdf và tiến hành nộp hồ sơ thông qua tài khoản dịch vụ công của doanh nghiệp hoặc người do đơn vị ủy quyền. Đơn vị nộp hồ sơ và người nộp hồ sơ chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài liệu hồ sơ.

2. Mẫu hồ sơ về Đơn đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn/sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quy định tại Mẫu số 02; Phương án kinh doanh quy định tại Mẫu số 03; Phương án kỹ thuật quy định tại Mẫu số 04; Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quy định tại Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bộ Công an kiểm tra và thông báo cho doanh nghiệp nộp hồ sơ biết về tính hợp lệ của hồ sơ sau 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.

4. Đối với hồ sơ không hợp lệ, Bộ Công an có văn bản thông báo cho doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ yếu tố không hợp lệ. Doanh nghiệp có quyền nộp lại hồ sơ bổ sung hoặc văn bản giải trình tính hợp lệ. Việc kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ nộp lại được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

#### **Điều 12. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng**

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu và báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 28 tháng 12) về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đến Bộ Công an theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2022.

#### **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Doanh nghiệp đang kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định này cần hoàn tất hồ sơ, thủ tục để được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng tối đa 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Đối với các hợp đồng kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã được ký kết và có giá trị trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thực hiện các nội dung trong hợp đồng.

#### **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công an đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Noti nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTG, các Vụ, cục;
- Lưu: VT, KSTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**